

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-5-2026

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Phương

Ông Trương Trọng Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn B, xã S, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ liên hệ: Thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk (nhà cha chị T tên Nguyễn Tấn N). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn B, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, chồng tôi nhiều lần nhậu nhẹt, trai gái, cờ bạc về nhà quậy phá đánh đập tôi. Tôi đã cố gắng chịu đựng, nhưng đến khoảng năm 2021 đến nay, tôi đưa con đi thuê nhà nơi khác

sống để làm ăn, khoảng giữa năm 2025, tôi trả nhà về lại nhà cha mẹ ruột tôi ở thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk sống cho đến nay. Vợ chồng chúng tôi đã ly thân từ năm 2021 đến nay, cả hai không ai quan tâm đến ai, tôi đi làm ăn nơi khác, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/7/2011 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 04/4/2015. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, khi tôi làm đơn ly hôn, ông S chịu cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng/2 con nhưng nay Tòa mời ông S không đến Tòa thì tôi yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

Tòa hỏi ý kiến cháu Nguyễn Quốc D: Con năm nay học lớp 5, từ lúc con học lớp 1 con với anh Tuấn A đã theo mẹ sống nơi khác, không sống cùng cha và nhà nội. Hiện nay con với mẹ và anh Tuấn A sống tại nhà ông ngoại, lâu lâu con với anh mới về thăm ba và nhà nội. Nay ba mẹ con không ở với nhau nữa thì con xin phép được sống với mẹ để mẹ nuôi dưỡng con.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Tất cả các đương sự đều vắng mặt nên không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự; chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định; Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn S; Về con chung: Bà T được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/7/2011 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 04/4/2015, ông S cấp dưỡng nuôi con chung 3.700.000đ/tháng/02 con (mỗi con 1.850.000đ/tháng) kể từ tháng 5/2026 cho đến khi chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét; Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện ngày 31/10/2025, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Tấn S có nơi cư trú tại thôn B, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (Sửa đổi bổ sung), Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đắk Lắk có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Tấn S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T: Về hôn nhân: Tại thời điểm đăng ký kết hôn năm 2011, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tấn S có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, được Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Đắk Lắk) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41 quyển số 01/2011 ngày 17/5/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Nguyễn Thị T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là khoảng năm 2020 ông S nhiều lần nhậu nhẹt, trai gái, cờ bạc về nhà quậy phá đánh đập bà T, đến khoảng năm 2021 đến nay, bà T đưa con đi thuê nhà nơi khác sống để làm ăn, khoảng giữa năm 2025, bà T đưa 02 con chung về lại nhà cha mẹ ruột bà T ở thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk sống và hiện nay đã đi làm thuê ở xa, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay, cả hai không ai quan tâm đến ai nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông S. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt để trình bày và hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, qua xác minh tại địa phương cung cấp thông tin: "... Khoảng năm 2021, vợ chồng ông S, bà T đã bán căn nhà của hai vợ chồng, từ đó đến nay không còn thấy ông S và bà T sống cùng nữa. Ông S đi làm ăn xa thỉnh thoảng về nhà cha mẹ ruột vài ngày rồi đi làm nữa, còn bà T và các con đã chuyển về nhà cha mẹ ruột ở thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk để sinh sống". Như vậy, ông S và bà T đã không còn chung sống, không ai còn quan tâm đến ai, xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tấn S.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tấn S có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/7/2011 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 04/4/2015. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo ý kiến ông S trước đây là 5.000.000đ/tháng/02 con,

nếu ông S không đến Tòa để có ý kiến thì yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà T với ông S không sống chung từ năm 2021 đến nay, các cháu Tuấn A và Quốc D đều do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tại Tòa cháu D cũng như cháu Tuấn A viết trình bày đều có nguyện vọng được mẹ tiếp tục nuôi dưỡng, bà T cho rằng ông S có đồng ý cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng/02 con, tuy nhiên quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông S vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến về nội dung này, bà T không cung cấp được thông tin về việc làm và thu nhập của ông S hiện nay. Căn cứ quy định tại mục 25 phụ lục kèm theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 thì mức lương tối thiểu vùng IV tỉnh Đ từ ngày 01/01/2026 là 3.700.000đ/tháng, hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/7/2011 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 04/4/2015, ông S cấp dưỡng nuôi con chung 3.700.000đ/tháng/02 con (mỗi con 1.850.000đ/tháng) kể từ tháng 5/2026 cho đến khi chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và bị đơn ông Nguyễn Tấn S phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung); các Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Tấn S.
2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 05/7/2011 và Nguyễn Quốc D, sinh ngày 04/4/2015, ông S cấp dưỡng nuôi con chung

3.700.000đ/tháng/02 con (mỗi con 1.850.000đ/tháng) kể từ tháng 5/2026 cho đến khi chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bên không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004006 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk nên đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Tấn S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

Đương sự vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 - Đắk Lắk;
- UBND xã Sơn Thành (GCNKH số 41 quyền số 01/2011 ngày 17/5/2011);
- Phòng THADS khu vực 13 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà